ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1874 /QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 09 tháng9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022-2031 của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Du lịch năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10 /2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về các biện pháp lâm sinh; số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính; số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về phân định ranh giới rừng; số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Căn cứ Kết luận giao ban Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 22/8/2022 (Thông báo số 330/TB-UBND ngày 26/8/2022);

Theo đề nghị của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao tại Tờ trình số 24/TTr-CHESH ngày 12/7/2022; của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1562/SNN-KL ngày 05/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022-2031 của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao, với những nội dung chủ yếu sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chủ rừng: Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao.

- Địa chỉ: Khu Nậm Sốt, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Diện tích: Tổng diện tích đơn vị quản lý: 310,7 ha (Quy hoạch đất rừng phòng hộ: 179,4 ha (tiểu khu 70: 130,45 ha, tiểu khu 72: 48,95 ha; Quy hoạch đất rừng sản xuất: 131,3 ha (tiểu khu 70).

- Vị trí: Nằm trên địa bàn các xã: Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

1. Mục tiêu chung

- Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững 310,7 ha rừng và đất lâm nghiệp hiện có, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Thực hiện quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng; nâng cao chất lượng, giá trị của rừng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm, thu nhập cho lao động của đơn vị và người dân địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo và nâng cao giá trị gia tăng cho hoạt động sản xuất Lâm nghiệp trên địa bàn.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, duy trì nguồn gen đa dạng sinh học trên diện tích đất rừng quy hoạch phòng hộ và sản xuất được giao.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu về môi trường

- Nâng cao chất lượng rừng, độ che phủ của thảm thực vật, đảm bảo khả năng phòng hộ, tăng khả năng bảo vệ nguồn nước, hạn chế thiên tai, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu. Phấn đấu đến năm 2031, trên lâm phần đơn vị quản lý có trên 100 ha rừng tự nhiên trữ lượng giàu.

- Duy trì bảo vệ, phát triển rừng bền vững đối với diện tích đất rừng được giao quản lý; bảo vệ tính đa dạng sinh học, bảo vệ các loài động vật và thực vật quý hiếm, đặc hữu.

- Bảo vệ môi trường cảnh quan, chống xói mòn sạt lở, tăng nguồn nước ngầm điều tiết trong lòng đất, góp phần bảo đảm chức năng phòng hộ rừng đầu nguồn sông Ngàn Phố, ứng phó với biến đổi khí hậu và năng lực hấp thụ CO_2.

2.2. Mục tiêu về xã hội

- Tạo nhiều công ăn việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động của đơn vị và người dân địa phương sống ven rừng, thông qua các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và du lịch sinh thái.

- Tạo ra được mô hình nghiên cứu và phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng, bảo tồn tính đa dạng sinh học tự nhiên.

- Chuyển giao khoa học kỹ thuật thông qua các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nông lâm kết hợp dưới tán rừng mang lại hiệu quả kinh tế cao theo phương thức canh tác sinh thái, tạo ra hàng hóa nông sản sạch an toàn.

- Tạo ra địa bàn nghiên cứu trao đổi học tập kinh nghiệm của các tổ chức trong và ngoài nước. Là môi trường nghiên cứu cho học sinh, sinh viên, các nhà nghiên cứu cũng như các nhà lập định chính sách về bảo tồn và phát triển bền vững rừng theo quan điểm biện chứng của sinh thái nhân văn.

- Tạo ra môi trường để nuôi dưỡng mối quan hệ sinh thái nhân văn giữa con người với tự nhiên góp phần ổn định an ninh, chính trị, xã hội vùng biên giới.

- Tạo hiệu ứng, khuyến khích cộng đồng địa phương, vùng lân cận cũng như các tổ chức quản lý rừng trong tỉnh cùng tham gia quản lý rừng bền vững.

2.3. Mục tiêu về kinh tế

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất rừng được giao.

- Nâng cao chất lượng rừng thông qua việc làm giàu rừng, trồng bổ sung cây bản địa, làm tăng chất lượng rừng và các loài phi gỗ dược liệu.

- Tạo nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ như: dịch vụ môi trường rừng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, du lịch sinh thái, lâm sản ngoài gỗ… góp phần hỗ trợ tái đầu tư cho mô hình.

- Xây dựng được mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ có hiệu quả kinh tế cao để nhân rộng cho các hộ dân ngoài khu vực rừng của đơn vị.

- Phát triển các loại hình du lịch sinh thái gắn với trải nghiệm thiên nhiên.

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Kế hoạch sử dụng đất

- Giai đoạn 2022 - 2031, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của đơn vị ổn định, không có sự thay đổi. Tổng diện tích 310,7 ha (gồm: quy hoạch rừng phòng hộ 179,4 ha; quy hoạch rừng sản xuất 131,3 ha) tại các Tiểu khu: 70, xã Sơn Kim 1; 72, xã Sơn Kim 2.

* Kế hoạch sử dụng đất của đơn vị sẽ được điều chỉnh khi có sự thay đổi quy hoạch sử dụng đất của các địa phương theo đúng quy định.

2. Xác định khu vực loại trừ và khu vực tổ chức sản xuất, kinh doanh rừng sản xuất

Toàn bộ diện tích rừng của đơn vị được quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đơn vị không có diện tích sản xuất, kinh doanh doanh rừng sản xuất.

3. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ

Toàn bộ diện tích đất, rừng của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao đang quản lý (Mô hình HEPA - Mô hình bảo tồn đa dạng sinh học và

quản lý bền vững tài nguyên rừng tại lưu vực đầu nguồn sông Ngàn Phố) là 310,7 ha, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng, không tổ chức giao khoán cho các hộ gia đình, cá nhân.

4. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học

4.1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

a. Bảo vệ rừng

- Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng tự nhiên hiện có: 310,7 ha; trong đó: Rừng phòng hộ: 131,3 ha; rừng sản xuất 179,4 ha.

- Tổng khối lượng diện tích đưa vào phương án bảo vệ rừng là 3.107 lượt ha/10 năm.

* Phương thức tổ chức thực hiện:

- Đơn vị tiến hành phân chia toàn bộ diện tích rừng được giao quản lý thành 5 phân khu (khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3, khu vực 4, khu vực 5) và giao trách nhiệm quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên các khu vực này cho các tổ do đơn vị thành lập.

- Các tổ bảo vệ rừng có trách nhiệm nắm chắc tình hình về quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn được giao trách nhiệm quản lý, xác định các khu vực trọng điểm về cháy rừng, khai thác gỗ trái phép, lấn chiếm đất rừng; thường xuyên tuần tra, kiểm tra, giám sát để phát hiện kịp thời việc rừng bị xâm hại xảy ra, thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng tại gốc.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa đơn vị với chính quyền địa phương, các ngành chức năng, chủ rừng giáp ranh và các tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong hoặc gần rừng thực hiện có hiệu quả các giải pháp bảo vệ rừng - PCCCR trên địa bàn.

- Đầu tư xây dựng, tu sửa, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị nâng cao điều kiện sinh hoạt, làm việc cho khu vực văn phòng và các tổ đội bảo vệ rừng.

- Đa dạng hóa công tác tuyên truyền về luật lâm nghiệp để nâng cao ý thức người dân trên địa bàn về công tác quản lý bảo vệ rừng.

b. Kế hoạch xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng

Hàng năm, Trung tâm thực hiện rà soát toàn bộ diện tích, hiện trạng đất, rừng được giao quản lý để xây dựng Phương án bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng sát, đúng với thực tế và thực hiện các bước liên quan theo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật, tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả. Một số giải pháp cụ thể: Lập chốt, trạm bảo vệ; bố trí nhân lực bảo vệ. Căn cứ phương án phòng cháy chữa cháy rừng, tổ bảo vệ thường trực chủ động triển khai các biện pháp cụ thể, đồng bộ để sẵn sàng thực thi nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra, đặc biệt vào mùa cao điểm.

c. Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng

Dự tính, dự báo sớm và chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại rừng kịp thời. Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do sinh vật gây hại gây ra, góp phần nâng

cao chất lượng rừng, bảo tồn giá trị ĐDSH, đặc biệt là ở những khu vực có diện tích rừng trồng.

d. Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học

Diện tích khu rừng bảo tồn đa dạng sinh học là 310,7 ha, được thể hiện trên bản đồ số hóa. Để thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên lâm phần được giao quản lý, thời gian tới Trung tâm sẽ triển khai các hoạt động sau:

- Kiểm kê, đo đếm, đánh dấu kỹ thuật số và lập hồ sơ cho tất cả các cá thể cây, loài, chi, họ, nhóm thực vật điển hình, chủ đạo, bản địa và động vật rừng có trên diện tích rừng của Mô hình HEPA trong từng thời điểm.

- Giám sát định kỳ việc bảo tồn đa dạng sinh học khu rừng bằng phương pháp thống kê dựa trên kết quả điều tra *(ghi theo mẫu phiếu giám sát động, thực vật rừng),* qua đó phát hiện giống loài, nhân tố mới... nhằm đề xuất biện pháp bảo vệ, bảo tồn hợp lý.

- Tổng hợp kết quả giám sát làm căn cứ rà soát, bổ sung đa dạng sinh học cho từng phân khu hoặc toàn bộ khu rừng có giá trị bảo tồn cao, giúp cho công tác nghiên cứu, nhân giống, lưu trữ, bảo tồn nguồn gen, góp phần xây dựng ngân hàng gen cho các thế hệ mai sau.

4.2. Kế hoạch phát triển rừng

Toàn bộ diện tích rừng tại Mô hình HEPA của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao được đơn vị sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học và bảo tồn tính đa dạng sinh học. Vì vậy, kế hoạch phát triển rừng của Trung tâm giai đoạn 2022 - 2031 chỉ thực hiện nội dung làm giàu rừng.

a. Làm giàu rừng rừng tự nhiên phòng hộ

- Đối tượng: Rừng thường xanh phục hồi (TXP), có cây gỗ đạt chiều cao tham gia vào tán rừng với số lượng dưới 400 cây/ha hoặc cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 1m với số lượng dưới 500 cây/ha. Cây gỗ và cây tái sinh mục đích phân bố không đều trên toàn bộ diện tích.

- Quy mô thực hiện trên diện tích 49,56 ha thuộc phân khu phục hồi sinh thái.

- Vị trí: khoảnh: 2, 3, 5, tiểu khu 70, xã Sơn Kim 1; khoảnh: 2, 3a, tiểu khu 72, xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn.

- Thời gian thực hiện: Làm giàu rừng từ năm 2025; chăm sóc rừng làm giàu từ năm 2026 – 2030.

- Nội dung và biện pháp làm giàu rừng thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

b. Làm giàu rừng tự nhiên là rừng sản xuất

- Đối tượng: Rừng thường xanh phục hồi (TXP), có cây gỗ đạt chiều cao tham gia vào tán rừng với số lượng dưới 400 cây/ha hoặc cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 1m với số lượng dưới 500 cây/ha. Cây gỗ và cây tái sinh mục đích phân bố không đều trên toàn bộ diện tích.

- Quy mô thực hiện trên diện tích 34,41 ha

- Vị trí: khoảnh 3, tiểu khu 70, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn.

- Thời gian thực hiện: Làm giàu rừng từ năm 2025; chăm sóc rừng làm giàu từ năm 2026 – 2030.

- Nội dung và biện pháp làm giàu rừng thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

4.3. Kế hoạch khai thác lâm sản và lâm sản ngoài gỗ

a. Khai thác lâm sản gỗ (không áp dụng)

b. Khai thác lâm sản ngoài gỗ:

- Thực hiện khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên như các loài dược liệu phân bố rải rác trong các khu rừng tự nhiên thuộc quản lý của Trung tâm; dưới sự kiểm tra, giám sát của chặt chẽ của Trung tâm; không thực hiện khai thác lâm sản ngoài gỗ số lượng lớn.

- Việc thực hiện phải đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

4.4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

a. Danh mục, kế hoạch triển khai các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học

Từ năm 2022 - 2031, Trung tâm dự kiến sẽ triển khai các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học như sau:

- Điều tra, thống kê, hệ thống hóa cơ sở dữ liệu đánh giá toàn diện về diễn biến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học tại Mô hình HEPA.

- Biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo về bảo tồn đa dạng sinh học, canh tác theo phương thức nương tựa vào hệ sinh thái rừng và ứng dụng quy hoạch hệ thống trong phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái.

- Điều tra, khảo sát, bảo tồn, sử dụng và phát triển giống cây trồng, vật nuôi bản địa, các giống loài đặc hữu có giá trị kinh tế cao vùng đầu nguồn sông Ngàn Phố và huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh.

- Điều tra, khảo sát, bảo tồn, sử dụng và phát triển tập đoàn cây thuốc nam trong Mô hình HEPA và vùng phụ cận.

- Điều tra, thống kê, đánh giá diễn biến tài nguyên rừng HEPA sau 25 năm được giao đất, giao rừng.

- Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu vực rừng HEPA.

Việc thực hiện phải theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

b. Đào tạo nguồn nhân lực

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ Trung tâm, gồm: Đào tạo cán bộ sau đại học và đào tạo đại học cho các cán bộ có năng lực trong công tác và có nguyện vọng học tập nghiên cứu và công tác lâu dài ở Trung tâm; đào tạo cán bộ chuyên sâu về động vật, thực vật; về công tác cứu hộ; bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ phát triển DLST cho cán bộ ở Trung tâm; nâng cao trình độ tiếng anh cho người lao động thuộc Trung tâm; đào tạo nhân viên quản lý sử dụng Website và quản trị mạng; đào tạo nâng cao công tác tài chính - kế hoạch…

4.5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Với tiềm năng tự nhiên về cảnh quan, môi trường và sự đa dạng của tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái rừng, văn hóa, di tích lịch sử, dự kiến các nhóm sản phẩm du lịch chính ở Trung tâm gồm có: Du lịch sinh thái rừng; Du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng; Du lịch nghỉ dưỡng; Du lịch giáo dục môi trường; Du lịch giáo dục truyền thống cách mạng; Du lịch hội nghị, hội thảo kết hợp với nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng (home stay).

- Định hướng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

+ Khu vực 1: Vườn Tâm linh Huyền Vi

Khu vực này nằm sát đường trục Quốc lộ 8, cách trung tâm Rào Àn khoảng 2,7 km theo đường vận hành nội bộ (6 km nếu đi vòng ra theo đường 8). Đây là vùng đã được bảo tồn và lưu giữ thành một khu rừng với nhu cầu phụng dưỡng các linh hồn của thiên nhiên và các chiến sĩ bộ đội, thanh niên xung phong đã hy sinh trong cuộc chiến tranh chống Mỹ .

+ Khu vực 2: Vườn sinh kế sinh thái thượng uyển

Cách trung tâm Rào Àn khoảng 01 km trên đường nội bộ đi Huyền Vi là khu rừng thuộc vùng chân núi Chông, địa hình uốn lượn, cảnh quan đặc trưng của Mô hình HEPA (có núi, khe, kè, dông núi, bãi) dưới tán rừng tự nhiên được giàu hóa bởi nhiều tầng tán của các loài cây rừng bản địa với chức năng rất khác nhau. Vùng dưới chân rừng là những nếp nhà sàn truyền thống của dân tộc Thái, những ao hồ tụ nước được hình thành từ nguyên tắc quy hoạch hệ thống của hệ sinh thái, là nôi nuôi dưỡng các loài cá, ốc, ếch và tôm khác nhau, xen lẫn là ruộng bậc thang, kênh mương theo mô hình canh tác trên đất dốc với hàng chục giống loài cây nông, lâm nghiệp địa phương.

+ Khu vực 3: Làng nghề Linh Mộc

Nằm kề ngay khu trung tâm Rào Àn trên đường đi khu sinh thái Thượng Uyển là vùng rừng tái sinh tự nhiên và được làm giàu bằng các loài cây lâm nghiệp bản địa quý hiếm như lim xanh, de, dổi… phần dưới chân núi địa hình khá bằng phẳng và rừng đã khép tán rất xanh tốt, là nơi rất thích hợp cho khách thư giãn và dã ngoại, tìm hiểu về động thực vật rừng, những loài đặc hữu quý hiếm, v.v… và điều đặc biệt là du khách được sống trong những căn nhà sàn truyền thống (cùng với khu Thượng Uyển) trên những sườn dốc dưới những tán rừng sum suê nhiều tầng tán, được trải nghiệm về một số nghề thủ công truyền thống như nghề mộc, nghề rèn, thêu thùa, đan lát của các dân tộc thiểu số.

+ Khu vực 4: Vườn Ẩm thực Văn hóa Sinh thái Rào Àn.

Là khu vực đón tiếp đầu tiên khi đến với Mô hình HEPA, được bố trí dọc khe Rào Àn trên đường trục chính của Mô hình HEPA (dài khoảng 01 km) với địa hình tương đối bằng phẳng và phong cảnh "sơn thủy hữu tình". Khu vực này đã có cơ sở vật chất đủ để phục vụ các hoạt động nghiên cứu, tham quan trải nghiệm nông nghiệp sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học.

+ Khu vực 5: Sinh kế cộng đồng Thung lũng giác ngộ.

Là khu cuối cùng khi đi hết con đường trục chính nội vùng, vượt qua khe Soong là tới. Đây là vùng có không gian rộng thoáng, một bên là sườn dốc rừng rậm, bên dưới là ngã ba nơi 2 con suối (khe Rào Àn và khe An Bún) gặp nhau,

cảnh quan khu vườn Giác ngộ vừa đa sắc thái vừa thể hiện nguyên tác bản tính ngoạn mục của vùng đại ngàn nơi đây.

Các hoạt động nêu trên phải được quản lý, thực hiện theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

4.6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

- Duy tu bảo dưỡng đường, tên tuyến, thời gian thực hiện: đường vận hành nội bộ hiện có trong rừng, kể cả cống và tràn thoát nước; xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ quản lý (bảo dưỡng, sửa chữa văn phòng quản lý; xây dựng 03 Trạm bảo vệ rừng, Nhà vệ sinh; bảo dưỡng 01 Trạm biến áp điện; duy tu, sửa chữa, nâng cấp 06 hệ thống đập, ao, hồ chứa nước; tu bổ, sửa chữa, nâng cấp 2 km tuyến hàng rào tiếp giáp với khu dân cư đội 9 Sơn Kim 1 và các vị trí xung yếu; xây dựng 02 chòi canh có thể quan sát bao quát toàn bộ khu vực rừng HEPA và xung quanh; xây dựng chòi xây dựng kiên cố bằng kết cấu thép, cao 10 - 12 m, thời gian thực hiện trong năm 2022; Sửa chữa và làm mới 20 bảng về nội quy, cảnh báo vi phạm, cấp báo cháy rừng, tuyên truyền bảo vệ rừng...

- Xây dựng lại hệ thống hàng rào vườn ươm với chiều dài khoảng 400 m, tại khu vườn ươm Rào Àn.

Các hoạt động nêu trên phải được quản lý, thực hiện theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

4.7. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

Dự kiến các dịch vụ cho cộng đồng địa phương vùng kế cận:

- Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững cho cộng đồng địa phương.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình chăn nuôi động vật có giá trị kinh tế cao, thích ứng biến đổi khí hậu cho cộng đồng thôn bản.

- Hỗ trợ tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cộng đồng tham gia kinh doanh du lịch tại cộng đồng.

4.8. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

Đơn vị thực hiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

4.9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

- Tuyên truyền, giáo dục cho người dân địa phương, khách du lịch, học sinh, sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng, PCCCR ở địa phương; đồng thời tuyên truyền giúp người dân ý thức được mục tiêu bảo tồn các giá trị về ĐDSH, tài nguyên thiên nhiên là trách nhiệm của toàn dân, toàn xã hội từ đó góp phần hạn chế các hoạt động xâm phạm vào tài nguyên rừng và thu hút sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương.

- In ấn, xuất bản các tài liệu giới thiệu về tài nguyên động thực vật rừng từng khu vực rừng cũng như trên toàn tỉnh.

- Lập kế hoạch và tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về BVR, bảo tồn ĐDSH, PCCCR.

4.10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

- Chủ động theo dõi, cập nhật các biến động về rừng và đất Lâm nghiệp trên lâm phần được giao quản lý để báo cáo Hạt Kiểm lâm huyện Hương Sơn theo quy định; đồng thời, phối hợp kiểm tra, xác minh hiện trường khi Hạt Kiểm lâm có yêu cầu và thực hiện cập nhật trên hồ sơ quản lý của đơn vị theo đúng quy định.

- Cập nhật, bổ sung khi phát hiện mới các loài động vật, thực vật rừng trong diện tích đơn vị quản lý.

IV. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Tổng số tiền cần thiết để đầu tư: 28.027 triệu đồng.

1. Phân theo hạng mục:

- Hạng mục vảo vệ rừng: 932 triệu đồng.
- Hạng mục phát triển rừng: 1.215 triệu đồng.
- Xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng: 22.180 triệu đồng.
- Nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực: 3.600 triệu đồng.
- Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững: 100 triệu đồng.

2. Phân theo nguồn vốn:

Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao tự chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn hợp pháp theo quy định, cụ thể:

- Vốn đơn vị tự có: 2.247 triệu đồng chiếm 8%.
- Vốn liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư: 11.300 triệu đồng, chiếm 40,3%.
- Vốn hỗ trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước: 14.480 triệu chiếm 51,7%.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

Phương án quản lý bền vững của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao được triển khai thực hiện thông qua hệ thống các giải pháp về công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn ĐDSH; xây dựng và phát triển nguồn nhân lực; phối hợp với các bên liên quan; khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường; huy động nguồn vốn đầu tư; hợp tác quốc tế; giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

(Nội dung chi tiết có hồ sơ Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022 - 2031 của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, soát xét)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung Phương án đã được phê duyệt, đảm bảo mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy định của pháp luật liên quan; tự giám sát, đánh giá các hoạt động quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững theo đúng quy định.

2. UBND huyện Hương Sơn chỉ đạo UBND các xã và phòng, ngành, đơn vị chức năng liên quan, theo dõi việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững của Trung tâm theo nội dung, kế hoạch đã xác định trong Phương án được

phê duyệt; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành cấp tỉnh theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao thực hiện Quyết định này theo đúng các quy định pháp luật.

3. Các sở, ngành có liên quan

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn Trung tâm thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững đảm bảo đúng quy định.

- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa - Thể thao và Du lịch và các đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động hướng dẫn, giám sát Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao thực hiện hiệu quả Phương án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Hương Sơn; Giám đốc Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP Nguyễn Duy Nghị;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu VT, NL_4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Đặng Ngọc Sơn